TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11 /2023/DS - PT
Ngày 27/6/2023
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Th phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Thanh

Các Thẩm phán: Ông Đặng Phi Long

Ông Trương Quyết Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Minh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Đoàn Quỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27/6/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2023/TLPT-DS ngày 05/5/2023 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*. Do bản án dân sự số 04/2023/DS-ST ngày 29/03/2023 của Tòa án nhân dân Th huyện BT, tỉnh Lào Cai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐ-PT ngày 15/6/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐ-PT ngày 04/01/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông THT - Sinh năm: 1967 và bà VTH - Sinh năm: 1968; Cùng địa chỉ: Thôn PH1, xã PN, huyện BT, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà VTH: Ông THT - Có mặt.

2. Bị đơn: Ông VVT - Sinh năm: 1964 và bà PTM - Sinh năm: 1970.

Người đại diện theo ủy quyền của bà PTM: Ông VVT.
Cùng địa chỉ: Thôn PH1, xã PN, huyện BT, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông VVT.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông THT trình bày:

Năm 1990 gia đình ông T khai phá một khu đất, năm 1996, 1997 gia đình có chăn nuôi trâu bò trên diện tích đất này. Năm 2005 gia đình ông được cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 411 diện tích 23.4472,0m^2. Gia đình ông sử dụng trồng quế, keo, bồ đề...không tranh chấp với ai trong quá trình sử dụng. Tháng 02/2021 thì ông Th đưa người lên chặt phá cây ở một phần diện tích đất của thửa 411. Gia đình ông đã làm đơn đề nghị chính quyền hòa giải nhưng không được. Sau khi Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ xác định diện tích đất mà ông Th đang tranh chấp với gia đình ông là 34.560m^2 tại thửa 411, trên đất có một số cây quế non dưới 01 năm tuổi do hộ ông VVT trồng, ông T đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông VVT và bà PTM di chuyển toàn bộ số cây trồng trên đất, trả lại diện tích đất đã lấn chiếm tại thửa 411, tờ bản đồ số 1, diện tích là 34.560m^2 tại thôn PH1, xã PN, huyện BT, tỉnh Lào Cai. Diện tích đất tranh chấp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà VTH. Đối với phần diện tích tại thửa 450, 461 mà nguyên đơn đã yêu cầu trong đơn khởi kiện, sau khi xem xét thẩm định xác định không thuộc diện tích đất tranh chấp nên nguyên đơn nhất trí rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ đề nghị giải quyết đối với diện tích 34.560m^2 thuộc thửa 411.

Bị đơn là ông VVT và bà PTM đều trình bày:

Đối với diện tích đất 34.560m^2 tại thửa 411, tờ bản đồ số 1 đang có tranh chấp với gia đình ông THT là do gia đình ông, bà khai phá từ năm 1980. Gia đình ông Th sử dụng liên tục, tuy nhiên từ khoảng cuối năm 1997, ông T và bà H mang bò chăn thả theo dự án khiến gia đình ông không canh tác được. Sau đó gia đình ông THT được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như thế nào thì gia đình ông không biết. Đầu năm 2021, ông T khai thác toàn bộ cây tại thửa 411, giữa hai gia đình đã xảy ra xô xát về việc tranh chấp thửa đất 411 nêu trên, tháng 11/2021 thì gia đình ông Th lên phát dọn để trồng cây quế, hai gia đình đều làm đơn đề nghị UBND xã giải quyết tranh chấp đối với thửa đất 411 nhưng không thống nhất được. Sau khi Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ xác định diện tích đất đang tranh chấp theo đo đạc là 34.560m^2 tại thửa 411 tờ bản đồ 01 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà VTH, ông Th nhất trí với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, mặc dù diện tích đất tranh chấp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp cho ông T, bà H nhưng đất diện tích đất đang tranh chấp là của gia đình ông khai phá, trên đất có cây quế dưới 01 năm tuổi do gia đình ông Th trồng nên ông không đồng ý di chuyển cây và không trả lại đất cho ông THT.

Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 29/03/2023 của Tòa án nhân dân Th huyện BT, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ Khoản 1 Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 219, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 203 Luật đất đai 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông THT và bà VTH, buộc ông VVT và bà PTM phải trả lại diện tích đất lấn chiếm là 34.560m^2 tại thửa 411 tờ bản đồ 01, địa chỉ thửa đất: TK239-5, mục đích sử dụng R.T.S đã được UBND huyện BT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 533373, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00582 ngày 23/8/2005 mang tên hộ bà VTH (Địa chỉ tH trú: Thôn PH1, xã PN, huyện BT, tỉnh Lào Cai).

Buộc ông VVT và bà PTM phải có nghĩa vụ di dời toàn bộ số cây quế trồng trên đất để trả lại diện tích đất đã lấn chiếm là 34.560m^2 tại thửa 411 nêu trên cho ông THT và bà VTH theo quy định.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông THT và bà VTH đối với diện tích đất 65.440m^2 thuộc thửa 450, 461 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông THT do nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với toàn bộ diện tích đất không thuộc thửa 411 đang có tranh chấp trong vụ án. Đương sự có quyền khởi kiện lại yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án về việc tranh chấp quyền sử dụng đất tại các thửa đất nêu trên theo quy định.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 10/4/2023, Bị đơn ông VVT kháng cáo đối với quyết định của bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm 04/2023/DS-ST ngày 29/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện BT, ông không nhất trí về quyết định của bản án buộc gia đình ông phải di dời cây quế và trả đất cho nguyên đơn, ông cho rằng diện tích đất tranh chấp là của gia đình ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông VVT giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm; Tuyên án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn ông VVT có đầy đủ nội dung, nộp đúng thời hạn theo quy định của pháp luật, là căn cứ để để Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn:

Theo bị đơn trình bày diện tích đất 34.560m^2 tại thửa 411, tờ bản đồ số 1 đang có tranh chấp với gia đình ông THT là do gia đình ông, bà khai phá từ năm 1980. Gia đình ông Th sử dụng liên tục, tuy nhiên từ khoảng cuối năm 1997, ông T và bà H mang bò chăn thả theo dự án khiến gia đình ông không canh tác được. Sau đó gia đình ông THT được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như thế nào thì gia đình ông không biết. Đầu năm 2021, ông T khai thác toàn bộ cây tại

thửa 411, giữa hai gia đình đã xảy ra xô xát về việc tranh chấp thửa đất 411 nêu trên, tháng 11/2021 thì gia đình ông Th lên phát dọn để trồng cây quế, hai gia đình đều làm đơn đề nghị UBND xã giải quyết tranh chấp đối với đất đang tranh chấp theo đo đạc là 34.560m^2 tại thửa 411 tờ bản đồ 01 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà VTH thửa đất 411 nhưng không thống nhất được. Sau khi Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ xác định diện tích, ông Th nhất trí với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, mặc dù diện tích đất tranh chấp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp cho ông T, bà H nhưng đất diện tích đất đang tranh chấp là của gia đình ông khai phá, trên đất có cây quế dưới 01 năm tuổi do gia đình ông Th trồng nên ông không đồng ý di chuyển cây và không trả lại đất cho ông THT.

Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy: Năm 1990 gia đình ông T khai phá một khu đất, đến năm 1996 gia đình ông có chăn nuôi trâu bò theo dự án trên diện tích đất này. Năm 2005 gia đình ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 411 diện tích 23.4472,0m^2. Gia đình ông sử dụng trồng quế, keo, bồ đề...và không tranh chấp với ai trong quá trình sử dụng. Tháng 02/2021 thì ông Th đưa người lên chặt phá cây ở một phần diện tích đất của thửa 411. Gia đình ông đã làm đơn đề nghị chính quyền hòa giải nhưng không được. Việc gia đình ông Th có hành vi lấn chiếm và sử dụng sử dụng đất đã được nhà nước giao cho gia đình ông THT và bà VTH là vi phạm về thực hiện các quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai. Vì vậy, chủ sử dụng đất hợp pháp có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc chấm dứt hành vi lấn chiếm và sử dụng đất không có căn cứ pháp lý trên là phù hợp quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Th cho rằng: Toàn bộ diện tích đất tranh chấp trên là do gia đình ông khai phá từ năm 1980, gia đình ông sử dụng liên tục, tuy nhiên từ khoảng cuối năm 1997 ông T và bà H mang bò chăn thả theo dự án khiến gia đình ông không canh tác được. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất 411 tờ bản đồ 01 nêu trên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập toàn bộ hồ sơ pháp lý liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 411 tờ bản đồ 01 đang có tranh chấp trong vụ án. Tại các văn bản ngày 13/12/2022 và ngày 20/3/2023 của UBND xã PN, huyện BT xác định: Thời điểm trước khi nguyên đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 411 thì UBND xã PN không giao cho hộ gia đình, cá nhân nào quản lý, sử dụng. Ông Th bà M không được giao quản lý sử dụng thửa đất 411; kể từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hộ ông THT trực tiếp canh tác trên diện tích đất tại thửa 411 nêu trên cho đến khi xảy ra tranh chấp với ông VVT. Tại phiên tòa, ông VVT cũng xác nhận từ cuối năm 1997 đến năm 2021 thì gia đình ông không canh tác trên diện tích đất tranh chấp tại thửa 411, cuối năm 2021 thì gia đình ông phát dọn thực bì để trồng cây quế trên diện tích đất tranh chấp.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại cấp sơ thẩm: Diện tích đất tranh chấp là 34.560m^2 tại thửa 411 tờ bản đồ số 01 có vị trí tứ cận như sau:

- Phía Tây Bắc giáp thửa đất số 226 do UBND xã quản lý và một phần diện tích đất do bà Vũ Thị Loan đang canh tác, sử dụng, có cạnh kích thước là 194,6m.

- Phía Đông giáp một phần thửa đất số 411, tờ bản đồ 01 đã cấp giấy chứng nhận cho hộ ông THT và bà VTH, có cạnh kích thước: 26m+ 28,9m + 14,6m + 11,7m + 18,4m +51,1m + 6m + 11,6m + 15,7m +7,5m + 19,8m + 12,1m.

- Phía Tây Nam giáp thửa đất số 411, 450 tờ bản đồ 01 đã cấp giấy chứng nhận cho hộ ông THT và bà VTH, có cạnh kích thước là: 13,4m+38,7m+24m+7,7m.

- Phía Tây giáp một phần thửa đất số 411, tờ bản đồ 01 đã cấp giấy chứng nhận cho hộ ông THT và bà VTH, có cạnh kích thước là: 78,2m+41,9m+45,3m+13,8m+26,2m+22m+28m+25,8m.

Về hiện trạng sử dụng đất: Sau khi đo đạc và kiểm tra tại thực địa thì vị trí mốc giới tại thực địa đúng theo bản đồ địa chính và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho nguyên đơn, không chồng lấn với diện tích đất của các hộ liền kề. Thời điểm tháng 11/2021 khi gia đình ông VVT phát dọn thực bì tại thửa 411 để trồng cây quế, UBND xã PN cũng nhận được đơn của ông THT đề nghị giải quyết tranh chấp với ông VVT nhưng không Th. Quá trình xem xét thẩm định tại chỗ đã xác định trên diện tích đất tranh chấp có 45 gốc cây đã bị khai thác chỉ còn gốc sát đất, chưa xác định được loài cây, đường kính từ 10cm -40cm; một số cây lấy gỗ nhỏ không có trữ lượng gỗ, cây bụi đã bị chặt hạ, đốt cháy làm mất hiện trạng và không xác định được loài cây; Đối với số cây không còn thì nguyên đơn không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Cây trồng tại thời điểm xem xét thẩm định tổng số 17.280 cây/34.560m^2 (mật độ 5000 cây/ha), toàn bộ là cây quế trồng dưới 01 năm, đường kính gốc dưới 1cm. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải di dời toàn bộ số cây trồng trên đất để trả lại đất cho nguyên đơn.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Tại cấp phúc thẩm các đương sự nhất trí kết quả xem xét thẩm định, định giá tại cấp sơ thẩm.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy: Nguyên đơn đã canh tác và sử dụng trên toàn bộ diện tích tại thửa 411 nêu trên từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến khi xảy ra tranh chấp với bị đơn. Ông VVT, bà PTM tự ý trồng cây trên diện tích đất đang có tranh chấp, khi phát dọn thực bì, nguyên đơn đã có đơn đề nghị và UBND xã PN đã lập biên bản giải quyết, đề nghị các hộ gia đình giữ nguyên hiện trạng nhưng bị đơn vẫn cố tình trồng cây. Vì vậy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải di dời toàn bộ số cây đã trồng trên đất tranh chấp để trả lại đất cho nguyên đơn là có căn cứ. Do đó cần buộc bị đơn phải có trách nhiệm di dời toàn bộ số cây quế đã trồng để trả lại diện tích đất trên diện tích đất 34.560m^2 tại thửa 411 cho nguyên đơn là phù hợp quy định của pháp luật.

Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông THT và bà VTH, buộc ông VVT và bà PTM phải di dời toàn bộ số cây quế đã trồng trả lại diện tích đất lấn chiếm là 34.560m^2 tại thửa 411 tờ bản đồ 01, địa chỉ thửa đất: TK239-5, mục đích sử dụng R.T.S đã được UBND huyện BT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 533373, số vào sổ cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất 00582 ngày 23/8/2005 mang tên hộ bà VTH (Địa chỉ tH trú: Thôn PH1, xã PN, huyện BT, tỉnh Lào Cai) là đúng quy định của pháp luật. Do đó kháng cáo của bị đơn ông VVT đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm 04/2023/DS-ST ngày 29/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện BT, không nhất trí về quyết định của bản án buộc gia đình ông phải di dời cây quế và trả đất cho nguyên đơn, ông cho rằng diện tích đất tranh chấp là của gia đình ông là không có căn cứ nên không được cấp phúc thẩm chấp nhận.

[4] Đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm nên người kháng cáo ông VVT phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông VVT, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 29/03/2023 của Tòa án nhân dân Th huyện BT, tỉnh Lào Cai như sau:

Căn cứ Khoản 1 Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 219, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 203 Luật đất đai 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông THT và bà VTH, buộc ông VVT và bà PTM phải trả lại diện tích đất lấn chiếm là 34.560m^2 tại thửa 411 tờ bản đồ 01, địa chỉ thửa đất: TK239-5, mục đích sử dụng R.T.S đã được UBND huyện BT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 533373, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00582 ngày 23/8/2005 mang tên hộ bà VTH (Địa chỉ tH trú: Thôn PH1, xã PN, huyện BT, tỉnh Lào Cai) có vị trí tứ cận cụ thể như sau:

- Phía Tây Bắc giáp thửa đất số 226 do UBND xã quản lý và một phần diện tích đất do bà Vũ Thị Loan đang canh tác, sử dụng, có cạnh kích thước là 194,6m.
- Phía Đông giáp một phần thửa đất số 411, tờ bản đồ 01 đã cấp giấy chứng nhận cho hộ ông THT và bà VTH, có cạnh kích thước là: 26m+28,9m+14,6m+11,7m+18,4m+51,1m+6m+11,6m+15,7m+7,5m +19,8m+12,1m.
- Phía Tây Nam giáp thửa đất số 411, 450 tờ bản đồ 01 đã cấp giấy chứng nhận cho hộ ông THT và bà VTH, có cạnh kích thước là: 13,4m+38,7m+24m+7,7m.

- Phía Tây giáp một phần thửa đất số 411, tờ bản đồ 01 đã cấp giấy chứng nhận cho hộ ông THT và bà VTH, có cạnh kích thước là: 78,2m+41,9m+45,3m+13,8m+26,2m+22m+28m+25,8m.

Buộc ông VVT và bà PTM phải có nghĩa vụ di dời toàn bộ số cây quế trồng trên đất để trả lại diện tích đất đã lấn chiếm là 34.560m^2 tại thửa 411 nêu trên cho ông THT và bà VTH theo quy định.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông VVT phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận ông Th đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000769 ngày 19/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện BT, tỉnh Lào Cai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Phi Long **Trương Quyết Thắng** **Chu Văn Thanh**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND huyện BT;
- Chi cục THADS huyện BT;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Văn Thanh